

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2019.

V/v: “Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Út Hậu

2/ Ông Nguyễn Mai Độ

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực Thới Hòa C, phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực Thới Hòa C, phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Sau thời gian tìm hiểu đến năm 2007, chị và anh Nguyễn Hữu T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, vợ chồng sống chung từ đó nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị có hai con tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2009 (nữ) và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/9/2011 (nam), hiện nay chị Đ nuôi cháu Y, còn anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 10 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, chị cố gắng hàn gắn hạnh phúc lo tương lai cho con nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh T đã dọn ra ngoài sống riêng và ly thân từ đó đến nay. Chị cho rằng cuộc hôn nhân không đạt, kéo dài không có hạnh phúc nên chị muốn trả tự do cho nhau.

Nay chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Tuấn.

Về con chung: Anh chị có hai con tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2009 do chị Đ đang nuôi, còn Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/9/2011 do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đồng ý ổn định việc nuôi con như hiện nay, hay bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai đề ngày 01/3/2019 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày và yêu cầu như sau:*

Thống nhất với lời trình bày của chị Đ về hôn nhân, cụ thể là chung sống năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên cãi nhau nên mất hạnh phúc. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên anh đã dọn ra ngoài sống riêng và ly thân từ đó đến nay. Anh T cho rằng không còn tình cảm và không thể hàn gắn tình cảm với chị Đ. Do đó anh đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Đ.

Về con chung: Anh chị có hai con tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2009 do chị Đ đang nuôi, còn Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/9/2011 do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đồng ý ổn định việc nuôi con như hiện nay, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 01/3/2019 cháu Nguyễn Ngọc Ý và cháu Nguyễn Thanh T1 trình bày:* Trường hợp chị Đ và anh T ly hôn thì cháu Nguyễn Ngọc Y

có nguyện vọng sống với mẹ là Phạm Thị Đ, còn Nguyễn Thanh T1 có nguyện vọng sống với cha là Nguyễn Hữu T.

Tại phiên tòa,

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2009 cho chị Đ nuôi, còn Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/9/2011 giao cho anh T trực tiếp nuôi, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Hữu T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 và không có đăng ký kết hôn. Xác định đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị Đ khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại khu vực Thới H, phường Long H, quận Ô, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T chung sống như vợ chồng năm 2007 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm và anh T có người phụ nữ khác nên mâu thuẫn anh, chị ngày càng nghiêm trọng, anh T đã dọn ra ngoài tháng 10 năm 2018 và đã không sống chung từ đó cho đến nay, xét thấy trong khoảng thời gian anh chị chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy xét yêu cầu của chị Đ đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng và anh T cũng đồng ý là phù hợp. Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh T.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất có hai con chung là Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2009 (nữ) đang sống với chị Đ, còn Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/9/2011(nam) đang sống với anh T. Trường hợp Tòa án tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì chị Đ và anh T đồng ý ổn định việc nuôi con như hiện nay, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Tại bản tự khai ngày 01/3/2019 cháu Nguyễn Ngọc Y và cháu Nguyễn Thanh T1 trình bày:* Trường hợp chị Đ và anh Tuấn ly hôn thì cháu Nguyễn Ngọc Y có nguyện vọng sống với mẹ là Phạm Thị Đ, còn Nguyễn Thanh T1 có nguyện vọng sống với cha là Nguyễn Hữu T.

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”.

Căn cứ quy định trên Tòa án ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về vấn đề nuôi con.

Chị Đ và anh T thỏa thuận: Không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con theo các Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8, 9, 14, 15, 16, 51, 55, 56; 57, 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị Đ và anh T thống nhất giao con chung Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2009 (nữ) cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng còn Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 13/9/2011 (nam) giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Đ và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005899 ngày 30/01/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Oanh